TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH S** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 18 - 7 - 2024
V/v tranh chấp "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH S, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Bùi Khoa Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Kim trình**

Ông **Đinh Xuân Hương**

Thư ký phiên toà: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc**, là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông **Đinh Trọng Nho** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2024. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ. Toà án nhân dân huyện Thanh S mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp "*Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/QĐHPT ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu 3, xã Y L, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Xóm L M, xã T Nh, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Đinh Ngọc S**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu 3, xã Y L, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt không lý do).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Bùi Đức Dũng, Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị L với anh Đinh Ngọc S tự nguyện kết hôn vào ngày 27/12/2013 có đăng ký tại UBND xã Yên Lương, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã Yên Lương, huyện Thanh S. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không còn hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Kể từ năm 2022 đến nay hai bên cắt đứt quan hệ tình cảm và sống ly thân, chị đã về ở nhà bố mẹ đẻ tại xã Tinh Nhuệ, huyện Thanh S. Chị L xác định tình cảm đã hết, quan hệ hôn nhân không hàn gắn được. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh S.

Về con chung: Chị L và anh S có 02 con chung là cháu Đinh Thị Thu Th, sinh ngày 21/4/2014 và cháu Đinh Duy Kh, sinh ngày 14/9/2017. Hiện nay cháu Th đang

ở với anh S và cùng ông bà nội ở xã Yên Lương, huyện Thanh S; còn cháu Kh đang ở với chị L tại xã Tinh Nhuệ, huyện Thanh S. Khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh và đề nghị giao cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đinh Ngọc S vắng mặt, Toà án đã nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ, tuy nhiên anh S vắng mặt không lý do.

Quan điểm của bà Đinh Thị Viết là mẹ đẻ của anh S cho biết vợ chồng anh S và chị L kết hôn năm 2013, sau khi kết hôn vợ chồng anh S, chị L sinh sống tại gia đình bà Viết. Những năm đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, thời gian gần đây đã phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không thể hòa giải được; cách đây khoảng 02 năm thì chị L đã bỏ về ở với bố mẹ đẻ tại xã Tinh Nhuệ, không chung sống với anh S nữa. Anh S sinh sống và có khẩu thường trú tại gia đình bà Viết; hiện anh S đi làm, thỉnh thoảng vẫn về nhà; những lần Toà án tống đạt các văn bản tố tụng thì gia đình bà đều giao và thông báo cho anh S biết, nhưng anh S nói với bà Viết là do bận công việc nên anh S không đến Tòa án được, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh S và chị L có 02 con chung là cháu Đinh Thị Thu Th và cháu Đinh Duy Kh. Hiện cháu Th đang ở cùng anh S, cháu Kh ở với chị L. Bà Viết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L và anh S ly hôn, đề nghị giao cho anh S nuôi cháu Th, giao cho chị L nuôi cháu Kh để các cháu ổn định về tâm lý cũng như sinh sống, học tập. Ngoài ra bà không có ý kiến, đề nghị gì khác.

Qua xác minh tại xã Yên Lương, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ xác định: Anh S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu 3, xã Yên Lương, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ. Hiện nay anh S vẫn cư trú tại địa phương và sinh sống cùng nhà với bố mẹ đẻ là gia đình ông Đinh Văn Thắng và bà Đinh Thị Viết. Năm 2013 anh S kết hôn với chị L. Sau khi kết hôn thì anh S và chị L sinh sống tại nhà của ông Đinh Văn Thắng và bà Đinh Thị Viết. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nhau trong cuộc sống, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện chị L đã rời khỏi địa phương, không chung sống cùng anh S nữa; vợ chồng sống ly thân. Anh S và chị L có 02 con chung là cháu Đinh Thị Thu Th và cháu Đinh Duy Kh. Hiện cháu Th đang ở cùng anh S và ông bà nội, cháu Kh ở với chị L. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, bảo đảm quyền lợi phụ nữ và trẻ em.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày quan điểm:

Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình và các quy định khác của Pháp luật giải vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị L và anh S đảm bảo quyền và lợi ích của các bên đương sự. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh S nuôi cháu Đinh Thị Thu Th, sinh ngày 21/4/2014, giao cho chị L nuôi cháu Kh để đảm bảo cuộc sống cho các cháu.

Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh S tại phiên tòa. Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy

định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành tham gia tố tụng, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự

Bị đơn không chấp hành, thực hiện về các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Khoản 2, Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L về việc xin ly hôn anh Đinh Ngọc S. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L ly hôn anh Đinh Ngọc S.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Duy Kh, sinh ngày 14/9/2017; đến khi thành niên. Giao cho anh Đinh Ngọc S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Thị Thu Th, sinh ngày 21/4/2014; đến khi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có.

Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Anh Đinh Ngọc S là bị đơn trong vụ án Hôn nhân và gia đình, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nguyên đơn, bị đơn đến để giải quyết tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị L có mặt, anh S vắng mặt không có lý do. Như vậy, vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, gửi các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S đã bà Đinh Thị Viết mẹ đẻ anh S trực tiếp nhận cam kết giao anh S. Nhưng anh S cố tình vắng mặt tại Tòa án, được lưu trong hồ sơ vụ án.

Trước khi xét xử chị L có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do đang đi làm xa nhà, nên đi lại khó khăn, không tham gia xét xử được. Tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh S tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký tại UBND xã Yên Lương, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh S chị L ăn ở chung cùng với gia đình chồng tại nhà của ông Đinh Văn Thắng và bà Đinh Thị Viết ở xã Yên Lương. Quá trình chung sống giữa chị L và anh S đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp nhau trong cuộc sống thường ngày. Kể từ năm 2022 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, chị L về sinh sống cùng gia đình bố đẻ tại xã Tinh Nhuệ, huyện Thanh S.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với anh S đến giải quyết vụ án, nhưng anh S đều vắng mặt không lý do và không có quan điểm giải quyết vụ án bằng văn bản nào. Như vậy anh S đã không chấp hành pháp luật và từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình.

Qua xác minh tại UBND xã Yên Lương xác định cuộc sống vợ chồng giữa anh S và chị L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng sống ly thân. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án ly hôn bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, bảo đảm quyền lợi phụ nữ và trẻ em.

Quan điểm của bà Đinh Thị Viết là mẹ đẻ anh S xác định cuộc sống vợ chồng giữa anh S và chị L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn mà không thể hòa giải được; cách đây khoảng 02 năm thì chị L đã bỏ về ở với bố mẹ đẻ tại xã Tinh Nhuệ, vợ chồng sống ly thân. Bà Viết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L và anh S được ly hôn và giao cho anh S nuôi cháu Th, giao cho chị L nuôi cháu Kh để các cháu ổn định về tâm lý cũng như việc sinh sống, học tập, ngoài ra bà không có đề nghị gì khác.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị L đã trầm trọng, đời sống chung trong thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng anh S, chị L đã sống ly thân kéo dài, hai bên không hợp tác hòa giải, không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị L; xử cho chị L được ly hôn anh S là phù hợp.

[2] Xét về con chung: Chị L và anh S có có 02 con chung là cháu Đinh Thị Thu Th, sinh ngày 21/4/2014 và cháu Đinh Duy Kh, sinh ngày 14/9/2017. Hiện nay cháu Th đang ở với anh S và đi học ở xã Yên Lương; còn cháu Kh đang ở với chị L và đi học ở xã Tinh Nhuệ. Khi ly hôn chị L đề nghị được nuôi cháu Kh, đồng ý giao cho anh S nuôi cháu Th. Qua lời trình bày thì cháu Th có nguyện vọng được ở cùng anh S và ông bà nội. Do đó HĐXX cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Kh; giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Th; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, cho vay, nợ chung, công sức đóng góp: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị L không đề nghị giải quyết, tại phiên tòa hôm nay chị L và anh S đều vắng mặt. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này mà tách ra giải quyết bằng một vụ án khác nếu đương sự có yêu cầu.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, điểm b Khoản 2, Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L về việc xin ly hôn anh Đinh Ngọc S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Đinh Ngọc S.

2. Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Đinh Ngọc S có 02 con chung là cháu Đinh Thị Thu Th và cháu Đinh Duy Kh.

Giao cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Duy Kh, sinh ngày 14/9/2017; kể từ khi quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị L chấm dứt đến khi cháu Kh thành niên. Giao cho anh Đinh Ngọc S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Thị Thu Th, sinh ngày 21/4/2014; kể từ khi quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị L chấm dứt đến khi cháu Th thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, cho vay, nợ chung, công sức đóng góp: HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này mà tách ra giải quyết bằng một vụ án khác nếu đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số 0004274 ngày 20/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 luật thi hành án.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Yên Lương;
- UBND xã Tinh Nhuệ;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ QLIHP cho bị đơn
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Khoa Hương